

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05-MAL/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0274 3766149

Email: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. TÊN SẢN PHẨM: ORENO HẠNH PHÚC MÌ CAY HƯƠNG VỊ HÀN QUỐC

2. THÀNH PHẦN:

Vất mì: Bột mì, dầu cọ, tinh bột khoai mì, chất ổn định (1420, 501(i), 500(i)), muối, chiết xuất nấm men, chất làm dày (451(i), 452(i), 415, 424), chất làm ẩm (420(ii)), chất điều vị (621, 627, 631), chất nhũ hóa (322(i), 475), chất chống oxy hóa (307b, 319, 320, 330), chiết xuất trái dành dành, bột cà ri, chất tạo màu riboflavin từ *Bacillus subtilis* tự nhiên.

Các gói gia vị: Rau sấy (cà rốt, nấm đông cô, protein từ lúa mì, hành lá), muối, dextrose monohydrate, đường, chất điều vị (621, 627, 631, 364(ii)), chiết xuất nấm men, bột ớt (12 g/kg), đậm thực vật thủy phân, bột gia vị hỗn hợp (xì dầu từ đậu nành, dextrin, muối), bột gia vị (tiêu đen, tỏi, nấm đông cô), bột kim chi, chất ổn định (415), bột chiết xuất nghệ, tinh bột bắp, dầu cọ, chất chống đông vón (551), chất tạo màu paprika oleoresin tự nhiên, chất tạo màu caramen nhóm IV tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (330).



3. THỜI HẠN SỬ DỤNG SẢN PHẨM: 6 tháng kể từ ngày sản xuất, hạn sử dụng ghi trên bao bì.

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

- Chất liệu bao bì:
 - + Màng: OPP/MCPP
 - + Thùng: cartonBao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.
- Quy cách đóng gói:
Khối lượng tịnh của một gói mì (gồm vắt mì và các gói gia vị): 85 g
- Quy cách bao gói: Thùng 24 gói * 85 g

5. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM:

- Tên: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam
- Địa chỉ: Số 16-18-20, đường ĐT 743, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM: Theo nhãn sản phẩm đính kèm.

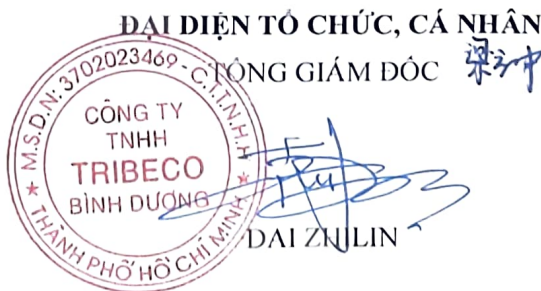
IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- TCVN 7879:2008, CODEX STAN 249:2006 Sản phẩm ngũ cốc dạng sợi ăn liền.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS số: 05-MAL/TBCBD/2025

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025





1. CÁC CHỈ TIÊU CẢM QUAN:

Yêu cầu ngoại quan đối với gói gia vị: phải kín, khô và sạch.
Sản phẩm không được chứa tạp chất lạ.

2. CÁC CHỈ TIÊU HÓA LÝ:

3. CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT:

 $1/2$

4. GIỚI HẠN KIM LOẠI NẶNG:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2
2	Cadmium (Cd)	mg/kg	≤ 0,1

5. GIỚI HẠN ĐỘC TỐ VI NẤM:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	≤ 4
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	≤ 750

6. THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng (Energy)	kcal/85 g	≥ 320
2	Chất đạm (Protein)	g/85 g	≤ 15
3	Carbohydrat (Carbohydrate)	g/85 g	≥ 45
4	Đường tổng số (Total Sugars)	g/85 g	≤ 10
5	Chất béo (Total Fat)	g/85 g	≤ 20
6	Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/85 g	≤ 10
7	Natri (Sodium)	mg/85 g	≤ 2200

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẠI ZHILIN

NGAI MEE

PACKAGING

FLEXIBLE

PLASTIC

Tên SP: Mì Hạnh phúc_File thiết kế

Tên Thương Hiệu: Mì Hạnh phúc

MS XM: C405686

MS Trục: C405686

Size: 305*190mm

Date: 17/07/2025

P. thực in: MS

Vật liệu in: OPP

TK: SU

KD: NHẬN

Quản lý Trưng Tầm Phẩm

Khai Giảng Tự Duyệt

Sửa trục theo vị trí đánh dấu

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

79

80

81

82

83

84

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97

98

99

100



행복

Hạnh phúc

幸福



mì CAY

hương vị Hàn Quốc



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

KHỐI LƯỢNG TÍNH:

85 g



02743769884

Từ nhà sản xuất

05-MAL/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

Số tự công bố

MÌ AN LIÊN

Sản xuất tại Việt Nam

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ thường, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Nên sử dụng ngay sau khi mở bao bì, không sử dụng sản phẩm đã quá hạn sử dụng, không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Ngày sản xuất (NSX): (xem trên bao bì)

Hạn sử dụng (HSD): (xem trên bao bì)

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện thoại: 0274 3766771 Fax: 0274 3766149

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH UNI-PRESIDENT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 16-18-20, đường BT 743, Khu công nghiệp Sông Thành 2, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	
Nutrition Facts 1 Package (85 g)	
Năng lượng (Energy):	377 kcal
Chất đạm (Protein):	8.7 g
Carbohydrate (Carbohydrate):	55.9 g
B Đường tổng số (Total Sugars):	5.2 g
Chất béo (Total Fat):	13.1 g
Chất béo bão hòa (Saturated Fat):	6.5 g
Natri (Sodium):	1853 mg



TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-88131-A

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 03-Apr-2025

BVAQ Reference: 25-88131

Sample(s) Received: 28-Mar-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 28-Mar-2025 to 03-Apr-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Oreno Hạnh Phúc Mì Cay Hương Vị Hàn Quốc

Lab ID: 25-88131-1A

Sample Description/ Mô tả mẫu: Noodles in plastic bag/ Mì đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Tổng số bào tử Nấm men & nấm mốc/ Total Yeast and Mould Spores *	<10	cfu/g	Ref. ISO 21527-2:2008 (TCVN 8275-2:2010)
Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)/ Total Plate Count (30°C)	1.2x10 ³	cfu/g	ISO 4833-1:2013 /Amd 1:2022 (TCVN 4884-1:2015)
Bacillus cereus	<10	cfu/g	AOAC 980.31
Clostridium Perfringens	<10	cfu/g	ISO 15213-2:2023
Coliforms	<10	cfu/g	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
Escherichia coli	<10	cfu/g	ISO 16649-2:2001 (TCVN 7924-2:2008)
Staphylococcus aureus	<10	cfu/g	AOAC 975.55

Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

HEAD OF BVAQ VIETNAM



NGUYEN HIEP

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-88131-B

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 03-Apr-2025

BVAQ Reference: 25-88131

Sample(s) Received: 28-Mar-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 28-Mar-2025 to 03-Apr-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Oreno Hạnh Phúc Mì Cay Hương Vị Hàn Quốc

Lab ID: 25-88131-1B

Sample Description/ Mô tả mẫu: Noodles in plastic bag/ Mì đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Deoxynivalenol (DON)	70 (<MQL=100)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-025:2024 (Ref. BS EN 15891:2010)
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.1)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010:2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Aflatoxin B1	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009:2024 (Ref. AOAC 999.07)
Aflatoxin tổng số/ Total of Aflatoxin content	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009:2024 (Ref. AOAC 999.07)

Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

HEAD OF BVAQ VIETNAM



NGUYEN HIEP

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-88131-C

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 03-Apr-2025

BVAQ Reference: 25-88131

Sample(s) Received: 28-Mar-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 28-Mar-2025 to 03-Apr-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Oreno Hạnh Phúc Mì Cay Hương Vị Hàn Quốc

Lab ID: 25-88131-1C

Sample Description/ Mô tả mẫu: Noodles in plastic bag/ Mì đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Chỉ số axit của vát/ Acid Value (AV)	0.73	mg KOH/g	FLAB-FC- MTHD-026:2023 (Ref. TCVN 6127:2010 ISO 660:2020)
Béo tổng số/ Total Fat	15.4	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Dạm/ Protein	10.2	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Âm của vát/ Moisture	1.86	%	FLAB-FC- MTHD-014:2023 (Ref. AOAC 950.46)
Carbohydrate *	65.8	g/100 g	FLAB-FC- MTHD- 033:2021 (Ref. AOAC 986.25, FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Năng lượng/ Calories *	443	kcal/100 g	FLAB-FC- MTHD- 033:2021 (Ref. AOAC 986.25, FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Đường tổng số/ Total sugar	6.09	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-060: 2023 (Ref. TCVN 4594:1988)
Natri/ Sodium (Na)	2180	mg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Saturated Fat	7.71	g/100 g	FLAB-FA-MTHD-033:2024 (Ref. AOAC 996.06)

Report No./ Số báo cáo: 25-88131-C

Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

HEAD OF BVAQ VIETNAM



NGUYEN HIEP



TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-88131-D

Revision: 00

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 03-Apr-2025

BVAQ Reference: 25-88131

Sample(s) Received: 28-Mar-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 28-Mar-2025 to 03-Apr-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Oreno Hạnh Phúc Mì Cay Hương Vị Hàn Quốc

Lab ID: 25-88131-1D

Sample Description/ Mô tả mẫu: Noodles in plastic bag/ Mì đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Chì/ Lead (Pb)	0.016	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	0.012	mg/kg	AOAC 2013.06

Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

HEAD OF BVAQ VIETNAM



NGUYEN HIEP